HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2022/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 4 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XIII KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét các Tờ trình của UBND tỉnh: số 26/TTr-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Nghị quyết danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, số 40/TTr-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc bổ sung công trình, dự án thu hồi đất trong năm 2022 và bổ sung nội dung chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1538/UBND-KTN ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc Quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận

của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai là 78 công trình, dự án (chi tiết theo Biểu 01 và các Biểu từ 1.1 đến 1.12).

2. Danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp theo điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai là 123 công trình, dự án (chi tiết theo Biểu 02 và các Biểu từ 2.1 đến 2.12).

Điều 2. Huỷ bỏ và tiếp tục thực hiện các công trình, dự án

1. Hủy bỏ việc thu hồi đất của công trình Sân bóng đá mi ni cỏ nhân tạo, kết hợp bể bơi ở xã Long Hiệp, huyện Minh Long tại Biểu 1.1 kèm theo Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa của dự án Kè chống sạt lở kết hợp đường cứu hộ, cứu nạn di dân tái định cư, neo đậu tàu thuyền – đập Cà Ninh hạ lưu sông Trà Bồng phục vụ Khu kinh tế Dung Quất, huyện Bình Sơn (giai đoạn 1), dự án đường Trì Bình – Cảng Dung Quất tại Biểu 04 kèm theo Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ trong năm 2022 (01 năm) của các công trình, dự án tại Biểu 3 và các Biểu từ 3.1 đến 3.7 kèm theo Nghị quyết.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Đối với những công trình, dự án chưa xác định diện tích thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo bổ sung để cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ và sự phù hợp của việc sử dụng đất thực hiện dự án (về vị trí, diện tích, loại đất) theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2022./.

CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Bùi Thị Quỳnh Vân

Biểu 1:

BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

TT	Tên huyện, thành phố, thị xã	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch *(ha)*	Ghi chú
1	Huyện Tư Nghĩa	6	18,43	Biểu 1.1
2	Huyện Minh Long	6	4,32	Biểu 1.2
3	Huyện Sơn Tịnh	9	21,69	Biểu 1.3
4	Huyện Bình Sơn	5	27,62	Biểu 1.4
5	Huyện Trà Bồng	8	60,41	Biểu 1.5
6	Huyện Sơn Hà	8	32,74	Biểu 1.6
7	Huyện Ba Tơ	10	3,15	Biểu 1.7
8	Huyện Nghĩa Hành	3	17,3	Biểu 1.8
9	Huyện Sơn Tây	1	0,2	Biểu 1.9
10	Thành phố Quảng Ngãi	3	49,06	Biểu 1.10
11	Huyện Mộ Đức	6	15,314	Biểu 1.11
12	Thị xã Đức Phổ	13	132,62	Biểu 1.13
	Tổng	**78**	**382,854**	

Biểu 1.1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
1	Đường Nghĩa Lâm - Nghĩa Sơn	2,00	Xã Nghĩa Lâm, xã Nghĩa Sơn	Tờ BĐ số 11, 12,17,23,24 Nghĩa Lâm; Tờ BĐ số 5,9, Nghĩa Sơn	QĐ số 17062/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện thu từ quỹ đất và phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến khởi công năm 2022	2.000		2.000				
2	Trường mầm non Nghĩa Mỹ	0,70	Xã Nghĩa Mỹ	Tờ BĐ số 6	QĐ số 17062/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện thu từ quỹ đất và phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến khởi công năm 2022	1.050			1.050,00			
3	Khu dân cư dọc bờ kè Bắc Sông Vệ	2,70	TT Sông Vệ	Tờ bản đồ số 10,11	QĐ số 17062/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện thu từ quỹ đất và phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến khởi công năm 2022	1000			1000			
4	Cải tạo đường dây 22 KV đấu nối nhà máy thủy điện Thạch Nham thuộc dự án thủy điện Thạch Nham	0,05	xã Nghĩa Lâm	Tờ bản đồ số 15, 21	QĐ 2612 ngày 15/12/2016 về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư tại QĐ số 14/CTĐT-UBND ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh	100					100	
5	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Tư Nghĩa	0,30	Thị trấn La Hà	Tờ bản đồ số 22, 23	QĐ số 145/QĐ-BTC ngày 10/02/2022 của Bộ Tài chính	2.500					2.500	
6	Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc Quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ	12,68	Xã Nghĩa Kỳ	Tờ bản đồ số 27, 32, 33, 34, 35, 36	Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng							
Tổng		**18,43**				**6650,00**	**0,00**	**2000,00**	**2050,00**	**0,00**	**2600,00**	

Biểu 1.2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
1	Khu dân cư Đồng Vông (1,7ha) (GĐ1)	1,7	Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 05 tỉ lệ 1/1000 xã Long Hiệp	QĐ số 2001/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của CT UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các công trình khởi công mới năm 2022, nhóm C quy mô nhỏ thuộc nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 24/12/2021, về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách huyện	2447			2.447,00			
2	Nâng cấp hệ thống thoát nước Đồng Vông - Đồng Nguyên (GĐ1)	0,36	Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 13 và 19 xã Long Hiệp	Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 về kế hoạch đầu tư công năm 2022; QĐ số 2001/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của CT UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các công trình khởi công mới năm 2022, nhóm C quy mô nhỏ thuộc nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 24/12/2021, về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách huyện	70			70			
3	Sân vận động Long Môn (GĐ1)	0,7	xã Long Môn	Tờ bản đồ số 05 tỉ lệ 1/5000 và tờ bản đồ số 03 tỉ lệ 1/1000 xã Long Môn	Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 về kế hoạch đầu tư công năm 2022; QĐ số 2001/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của CT UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các công trình khởi công mới năm 2022, nhóm C quy mô nhỏ thuộc nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 24/12/2021, về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách huyện	600			600			
4	Xây dựng điểm tập trung sinh hoạt cộng đồng, không gian văn hoá Hre tại thôn Thượng Đồ, xã Thanh An (GĐ1)	0,5	Xã Thanh An	Tờ bản đồ số 33 xã Thanh An	Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 về kế hoạch đầu tư công năm 2022; QĐ số 2001/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của CT UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các công trình khởi công mới năm 2022, nhóm C quy mô nhỏ thuộc nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 24/12/2021, về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách huyện	550			550			
5	Cầu sông Phước Giang, xã Long Sơn	1,0	Xã Long Sơn	Tờ bản đồ số 59 tỉ lệ 1/1000 xã Long Sơn	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư Dự án: Cầu sông Phước Giang, xã Long Sơn; QĐ 890/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	450		450				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
6	Nhà văn hóa và sân thể thao thôn Hà Bôi	0,06	Long Hiệp	Tờ bản đồ số 27	Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 về kế hoạch đầu tư công năm 2022; QĐ số 2001/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của CT UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các công trình khởi công mới năm 2022, nhóm C quy mô nhỏ thuộc nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 24/12/2021, về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách huyện.	190			190			
Tổng		**4,32**				**4307,00**	**0,00**	**450,00**	**3857,00**	**0,00**	**0,00**	

Biểu 1.3

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN SƠN TỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Quyết định phân khai vốn đầu tư năm 2022	Tổng nguồn vốn đầu tư	Phân bổ kinh phí đầu tư năm 2022	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
								Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
									Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (9) + (10) + (11) + (12) + (13)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Trường Tiểu học Tịnh Hà (điểm trung tâm): Hạng mục: Mở rộng khuôn viên trường và các hạng mục khác	0.45	Xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 23	Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022	4,600	1,500	1,000			1,000			
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trường Xuân – Quốc lộ 24B – Tịnh Thọ (Bình Hiệp – Tịnh Trà) (ĐH20).	6.90	Xã Tịnh Hà và xã Tịnh Thọ	- Tịnh Hà: Tờ bản đồ số: 06, 07, 11, 16, 17, 32, 35 - Tịnh Thọ: Tờ bản đồ số: 45, 46, 50, 51, 53, 60, 62	Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022	60,000	11,000	10,000			10,000			
3	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyện Chợ Đình - Tịnh Trà - Bình Chương (ĐH.13B)	3.50	Xã Tịnh Bình	Tờ bản đồ số 01, 05, 10, 15, 42	Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương	35,000	10,000	5,000		5,000				
4	Tuyến đường D2 Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh Mới (Giai đoạn 1)	3.30	Xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 09, 14, 20	Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương	60,000	28,000	8,000		8,000				

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Quyết định phân khai vốn đầu tư năm 2022	Tổng nguồn vốn đầu tư	Phân bổ kinh phí đầu tư năm 2022	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
								Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
									Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) (9) (10) (11) (12) (13)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
5	Khu dân cư Vĩnh Sương	0.80	Xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 26	Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022	6,000	1,500	1,200			1,200			
6	Cầu Thọ trung, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh	0.50	Xã Tịnh Thọ	Tờ bản đồ số 56, 57, 58, 59, 60	Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương	12,000	10,000	700		700				
7	Nghĩa trang nhân dân Núi Đất	4.20	Xã Tịnh Bình	Tờ bản đồ số 13	Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022	2,500	900	200			200			
8	Trạm y tế xã Tịnh Đông	0.14	Xã Tịnh Đông	Tờ bản đồ số 31	Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách Trung ương									
9	Khu dân cư số 1, xóm 8 Minh Long, xã Tịnh Minh	1.90	Xã Tịnh Minh	Tờ bản đồ số 05	Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND xã Tịnh Minh về việc phân bổ kinh phí để đầu tư xây dựng Công trình: Khu dân cư số 1 xóm 8 Minh Long	8000		3000				3000		
TỔNG CỘNG		**21,69**				**180,100**	**962,000**	**3.925,200**	**0,000**	**713,000**	**212,200**	**3.000,000**		

Biểu 1.4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1	Đập Cây Hàn	0,30	xã Bình An	Tờ bản đồ số 40	Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.	400,0			400,0			
2	Khu dân cư Vĩnh An	3,20	xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn	Tờ bản đồ số 41, 42, 53, 54								Dự án đã được Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi chấm dứt chủ trương đầu tư và đề nghị đăng ký danh mục thu hồi đất để thực hiện đấu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường. hỗ trợ. tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp. hỗ trợ...)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3	Tuyến đường Trì Bình - Cảng Dung Quất	16,82	xã Bình Chánh, Bình Thạnh, Bình Đông, Bình Thuận	Tờ bản đồ số 10, 24, 25, 26, 27, 30, 31 ,32, 33, 34, 35, 36, 37, 41, 42, 66, 70, 71 và 75 Bình Chánh; 73, 74, 75 và 76 Bình Thạnh; 37, 38, 39, 41, 42, 43, 44, 45 và 48 Bình Đông; 64 và 65 Bình Thuận	Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 29/4/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi							Dự án có trong Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018 của HĐND tỉnh. Nay, đăng ký bổ sung diện tích thu hồi đất.
4	Khu dân cư Nam Bình tại xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	3,94	xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ địa chính số 14 và 21								Để thực hiện đấu thầu, đấu giá theo quy định

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường. hỗ trợ. tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp. hỗ trợ...)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
5	Kè chống sạt lở bờ biển các thôn Thanh Thủy, Phước Thiện, Phước Thiện 1, Phước Thiện 2, xã Bình Hải, huyện Bình Sơn	3,36	xã Bình Hải, huyện Bình Sơn	Tờ bản đồ số 15, 16, 17, 85, 86 xã Bình Hải, huyện Bình Sơn	Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh	200,0	200,0					Công trình đầu tư khẩn cấp
Tổng cộng		**27,62**				**600,00**	**200,00**	**0,00**	**400,00**	**0,00**	**0,00**	

Biểu 1.5

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN TRÀ BỒNG

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Tổng nguồn vốn đầu tư	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)		Trong đó				
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)=(10)+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Xây dựng các tuyến đường phía Bắc đô thị thị trấn Trà Xuân	10,64	TT. Trà Xuân	Tờ BĐ số 6,7,8,9,10,20 và 32	Quyết định số 6504/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022	220.000	500			500			
2	Xây dựng các khu dân cư trong đô thị thị trấn Trà Xuân - Khu dân cư Ngõ Đồn 1	4,10	TT. Trà Xuân	Tờ BĐ số 19 và 20	Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND huyện Trà Bồng về chủ trương đầu tư dự án: Khu dân cư Ngõ Đồn 1, thị trấn Trà Xuân; Quyết định số 6504/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022	11.000	70			70			*UBND huyện đầu tư, đấu giá quyền sử dụng đất*
3	Xây dựng các khu dân cư trong đô thị thị trấn Trà Xuân - Khu dân cư Ngõ Đồn 2	9,26	TT. Trà Xuân	Tờ BĐ số 19 và 20	Quyết định số 4724/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND huyện Trà Bồng về chủ trương đầu tư dự án: Khu dân cư Ngõ Đồn 2, thị trấn Trà Xuân; Quyết định số 6504/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022	19.000	200			200			*UBND huyện đầu tư, đấu giá quyền sử dụng đất*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Tổng nguồn vốn đầu tư	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)		Trong đó				
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
4	Khu dân cư Đồng Trảy và Khu dân cư Đồng Trỗi (bao gồm đất ở và đất cơ sở hạ tầng khu dân cư)	5,10	TT. Trà Xuân	Tờ BĐ số 16, 17 và 18	Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phát triển nhà ở năm 2019, đến năm 2020 và dự kiến các năm tiếp theo (năm 2021 - 2025) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;	70.000	1.000					1.000	*Chuyển mục đích, đấu giá quyền sử dụng đất (Dự án đã được chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, hiện do TTPTQĐ huyện quản lý theo quy định)*
5	Xây dựng các khu dân cư trong đô thị thị trấn Trà Xuân - Khu dân cư 21, tổ dân phố 3	2,15	TT. Trà Xuân	Tờ BĐ số 18, 19 và 31	Quyết định số 4943/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND huyện Trà Bồng về việc bố trí vốn cho các danh mục dự án khởi công mới năm 2022	5.000	1.000			1.000			*UBND huyện đầu tư, đấu giá quyền sử dụng đất*
6	Khu dân cư xã Trà Bình (thôn Bình Thanh, thôn Bình Đông)	2,57	Xã Trà Bình	Tờ BĐ số 34 và 35; Tờ BĐ số 41, 42 (1/1000) và Tờ BĐ số 5 (1/5000)	Quyết định số 4788/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND huyện Trà Bồng về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Khu dân cư Trà Bình; Quyết định số 6504/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022	10.000	800			800			*UBND huyện đầu tư, đấu giá quyền sử dụng đất*
7	Thủy điện Trà Phong 1C	26,50	Trà Xinh	Tờ BĐ số 01,05 và 06 (1/5000)	Quyết định 2361/QĐ-BCT ngày 07/9/2020 Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn các tỉnh Quảng Ngãi và Quảng Nam; Công văn số: 3435/SNNPTNT-KL Quảng Ngãi, ngày 24/10/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ngãi về việc xác định kết quả khảo sát đánh giá hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp Dự án thủy điện Trà Phong 1C	483.000	21.000					21.000	*Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật đầu tư và pháp luật có liên quan*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Tổng nguồn vốn đầu tư	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
							Tổng (triệu đồng)		Trong đó				
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
8	Mở rộng Chùa Kim Long	0,09	TT. Trà Xuân	Tờ bản đồ số 18	Đơn xin đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm 2022 của Đại diện Chùa Kim Long (Xin mở rộng)	2.000	500					500	
TỔNG CỘNG		**60,41**				**820.000**	**25.070**	**0**	**0**	**2.570**	**0**	**22.500**	

Biểu 1.6

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN SƠN HÀ

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ…)	
1	Đường ĐH.72 (Sơn Nham – Sơn Kỳ)	3.00	Sơn Cao Sơn Linh Sơn Nham		Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Sơn Hà về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương;	1.000,00			1.000,00			
2	Đường Hà Thành – Sơn Giang – Hải Giá (nối tiếp)	4,80	Sơn Giang Sơn Trung		Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Sơn Hà về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương;	3.000,00			3.000,00			
3	Đường Huyện đội - Nước Bung	2,51	TT. Di Lăng	Tờ BĐĐC 665548 TT Di Lăng	Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Sơn Hà về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương;	13.500,00			13.500,00			
4	Khắc phục sạt lở khu dân cư Đồi Gu, thị trấn Di Lăng	1,50	TT. Di Lăng	Tờ BĐĐC số 02 TT Di Lăng	Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Sơn Hà về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương;	700,00		700,00				
5	Khu dân cư An Thịnh	5,00	TT. Di Lăng	Tờ BĐĐC 665548 TT Di Lăng	Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Sơn Hà về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương;	18.000,00			18.000,00			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
6	Khắc phục Cầu Sơn Giang - Sơn Linh (xã Sơn Linh, Sơn Giang, huyện Sơn Hà)	2,50	Sơn Giang và Sơn Linh	Tờ BĐĐC 662560 xã Sơn Linh	Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021	4.000,00	4.000,00					
7	Trụ sở làm việc Đội Quản lý trật tự huyện Sơn Hà	0,13	Thị trấn Di Lăng		Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và GPMB để xây dựng CT: Trụ sở làm việc Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Sơn Hà; ĐĐXD: TDP Gò Dép, TT Di Lăng, huyện Sơn Hà	0,000119			0,000119			
8	Cụm công nghiệp Sơn Hạ, huyện Sơn Hà (phần mở rộng)	13.30	Sơn Hạ	Tờ BĐĐC cơ sở số 674560; Tờ BĐĐC cơ sở số 6, 7 tỷ lệ 1:5000	Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Sơn Hà về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	6.000			6.000			Trước đây đăng ký dự án là Bồi thường, GPMB cụm công nghiệp Sơn Hạ, huyện Sơn Hà
Tổng		**32,74**				**46.200,00**	**4.000,00**	**700,00**	**41.500,00**	**0,00**	**0,00**	

Biểu 1.7

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN BA TƠ

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1	Trường THCS Ba Vì; hạng mục: Nhà Đa Năng	0,67	xã Ba Vì	Tờ 28 BĐĐC xã Ba Vì	QĐ số 933/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022 của UBND huyện Ba Tơ	5,0			5,0			
2	Khu dân cư chỉnh trang phía Đông đường Trần Toại thị trấn Ba Tơ	0,79	TT Ba Tơ	Tờ 7, 12 BĐĐC thị trấn Ba Tơ	QĐ số 933/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022 của UBND huyện Ba Tơ	1.700,0			1.700,0			
3	Khu dân cư chỉnh trang phía Tây Bắc Suối Tài Năng thị trấn Ba Tơ	0,69	TT Ba Tơ	Tờ 7 BĐĐC thị trấn Ba Tơ	QĐ số 933/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022 của UBND huyện Ba Tơ	2.100,0			2.100,0			
4	Phủ điêu Di tích lịch sử chiến thắng Đá Bàn	0,05	TT Ba Tơ	Tờ 17 BĐĐC thị trấn Ba Tơ	QĐ số 933/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022 của UBND huyện Ba Tơ	960,0			960,0			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
5	Nhà văn hóa TDP Đá Bàn	0,15	TT Ba Tơ	Tờ 15 BĐĐC thị trấn Ba Tơ	QĐ số 933/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022 của UBND huyện Ba Tơ	0,0						*Không bồi thường*
6	Đập và kênh Nước Ôn	0,20	xã Ba Bích	Tờ 50 BĐĐC xã Ba Bích	QĐ số 933/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022 của UBND huyện Ba Tơ	180,0			180,0			
7	Đập dâng Nước Lế	0,30	xã Ba Lế	Tờ 33 BĐĐC xã Ba Lế	QĐ số 933/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022 của UBND huyện Ba Tơ	200,0			200,0			
8	Nhà làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Ba Cung	0,15	xã Ba Cung	Tờ 15 BĐĐC xã Ba Cung	Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương	200,0		200,0				*Là đất xây dựng trụ sở cơ quan; nằm trong Trung tâm hành chính mới của xã Ba Cung*

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
9	Nâng cấp BTXM từ QL24 đi NVH thôn Dốc Mốc 2 Nối tiếp	0,11	xã Ba Cung	Tờ 14, 15 BĐĐC xã Ba Cung	Quyết định số 4919/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kinh phí thường xuyên năm 2021 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 5545/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt danh mục đầu tư công trình phúc lợi xã Ba Cung từ nguồn tiền thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới	200,0		200,0				
10	Nối tiếp BTXM từ nhà ông Phạm Văn Hoàng đến nhà ông Phạm Văn Xa	0,04	xã Ba Cung	Tờ 19 BĐĐC xã Ba Cung	Quyết định số 5610/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND huyện về việc phê duyện chủ trương đầu tư công trình: Nối tiếp BTXM từ nhà ông Phạm Văn Hoàng đến nhà ông Phạm Văn Xa	0,0						*Không bồi thường*
Tổng		**3,15**				**5.545,00**	**0,00**	**400,00**	**5.145,00**	**0,00**	**0,00**	

Biểu 1.8

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
1	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hành Minh - Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	23,70	xã Hành Đức, xã Hành Minh	xã Hành Minh: tờ bản đồ số địa chính số 14, 18 và bản đồ đo đạc đất lâm nghiệp xã Hành Minh; xã Hành Đức: tờ bản đồ số địa chính số 13 và bản đồ đo đạc đất lâm nghiệp xã Hành Đức	Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Cụm công nghiệp Hành Đức - Hành Minh, huyện Nghĩa Hành							
2	Kè chống sạt lở sông Phước Giang, xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành	3,10	xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành	Tờ bản đồ số 24, 25, 26 xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh	200		200				
3	Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc Quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ	17,30	Xã Hành Dũng, xã Hành Thuận	Tờ bản đồ số 2, 3, 6 xã Hành Dũng; tờ bản đồ số 8, 9 xã Hành Dũng	Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng							
Tổng		**44,10**				**200,00**	**0,00**	**200,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	

Biểu 1.9

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN SƠN TÂY

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng *(triệu đồng)*	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1	Đường điện 0.4KV tuyến Đài truyền thanh-Nghĩa trang liệt sỹ	0,20	Xã Sơn Dung	tờ 6 BĐLN xã Sơn Dung	Ghi vốn tại Quyết định số 2796/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND huyện Sơn Tây.	200,0			200,0			
Tổng cộng		**0,20**				**200,0**			**200,0**			

Biểu 1.10

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)		Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(8)+(9)+...+(13)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Phổ Trường xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi	0,50	xã Nghĩa An	Tờ bản đồ số 01	Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	**100,00**		100,00				
2	Khu tái định cư xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi phục vụ GPMB dự án Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1 (bổ sung)	1,16	xã Nghĩa Hà	Tờ bản đồ số 17, 18	Công văn số 3956/UBND - CNXD ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	**1.500,00**	1.500,00					
3	Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa	47,40	xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi	Tờ bản đồ số 23, 60	Quyết định số 3386/QĐ-BNN-KH ngày 27/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa							
TỔNG CỘNG		**49,06**				**1.600,00**	**1.500,00**	**100,00**				

Biểu 1.11

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN MỘ ĐỨC

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng *(triệu đồng)*	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
1	Dự án: Khu dân cư Mẫu Nấy, thôn Phước Hòa, xã Đức Phú; giai đoạn 1: Khu dân cư dọc đường vào trang trại Vinamilk, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	3,23	Xã Đức Phú	Tờ bản đồ số 17,18,25 của xã Đức Phú	QĐ số 342/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện về phân bổ vốn đầu tư công năm 2022 huyện Mộ Đức	5.000,0			5.000,0			
2	Khu dân cư Vĩnh Thành, xã Đức Minh, huyện Mộ Đức	1,97	Xã Đức Minh	Tờ bản đồ số 20 của xã Đức Minh	QĐ số 342/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện về phân bổ vốn đầu tư công năm 2022 huyện Mộ Đức	4.521,0			4.521,0			
3	Khu dân cư Vườn Quán, xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức	1,31	Xã Đức Thạnh	Tờ bản đồ số 6,7 của xã Đức Thạnh	QĐ số 342/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện về phân bổ vốn đầu tư công năm 2022 huyện Mộ Đức	3.355,0			3.355,0			
4	Tuyến đường Bầu Súng - Biển Đạm Thủy Bắc (ĐH.34B)	4,38	Xã Đức Chánh, Đức Thạnh và Đức Minh	Tờ bản đồ Số 19, 20, 26 xã Đức Chánh, Tờ bản đồ số 3 xã Đức Thạnh, Tờ Bản đồ số 6, 7, 15, 19 xã Đức Minh	Nghị Quyết số 13/NQ-HĐND, ngày 29/6/2021 của HĐND huyện Mộ Đức; Quyết định số 890/QĐ-UBND, ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 17315/QĐ-UBND, ngày 03/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức	14.930,0		14.930,0				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng *(triệu đồng)*	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
5	Tuyến đường Đức Tân (*Quẹo Thừa xuân*) - Quốc lộ 24 (đoạn nội thị)	4,18	Xã Đức Tân và thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 06 và số 09 xã Đức Tân và tờ bản đồ số 04, 08, 09, 12, 16 thị trấn Mộ Đức	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND, ngày 29/06/2021 của HĐND huyện; Quyết định số 17316/QĐ-UBND, ngày 03/12/2021 của UBND huyện Mộ Đức và Quyết định số 890/QĐ-UBND, ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	75.500,0		60.000,0	15.500,0			
6	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Mộ Đức	0,25	Thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 09	QĐ số 145/QĐ-BTC ngày 10/02/2022 của Bộ Tài chính	2.500					2.500	
Tổng cộng:		**15,314**				**105.806,0**	**0**	**74930**	**28376**	**0**	**2500**	**0**

Biểu 1.12

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, Quyết định ghi vốn	Dự kiến kinh phí thực hiện						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã, phường	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
1	Khu dân cư thôn Hùng Nghĩa	0,81	xã Phổ Phong	Tờ bản đồ số 31	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	**2.500**			2.500			
2	Khu dân cư đường Phạm Hữu Nhật	2,20	Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ BĐ số 8; 9; 14	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	**35.000**			35.000			
3	Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn	2,75	Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ BĐ số 5, 6	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	**42.600**			42.600			
4	Đường Huỳnh Công Thiệu nối dài và khu tái định cư	10,57	Phường Phổ Minh, Phường Phổ Ninh	Tờ BĐ ĐC 4; 5 phường Phổ Ninh; Tờ BĐ ĐC 4; 5; 9 phường Phổ Minh	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	**20.000**			20.000			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, Quyết định ghi vốn	Dự kiến kinh phí thực hiện						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã, phường	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
5	Đường Huỳnh Thúc Kháng	1,54	Phường Phổ Minh, Phường Phổ Hoà	Tờ BĐ ĐC 6 phường Phổ Hoà; Tờ BĐ ĐC 16 phường Phổ Minh	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	**20.000**			20.000			
6	Cầu Đập Giàng	0,13	Phường Phổ Minh	Tờ BĐ số 13	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	**3.800**			3.800			
7	Kè chống sạt lở các điểm dọc sông Trà Câu	4,63	Phường Phổ Minh, Phường Phổ Ninh	Tờ BĐ ĐC 1,4 phường Phổ Minh; Tờ BĐ ĐC 3,5 phường Phổ Ninh	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	**15.000**			15.000			
8	Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Đồng Làng: giải phóng mặt bằng các lô: A5, A6,A7,A9,B3,B4	4,83	Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ BĐ số 24	Công văn số 3471/UBND-CNXD ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các Cụm công nghiệp tại địa bàn các huyện: Sơn Tịnh, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Ba Tơ và thị xã Đức Phổ; Công văn số 6774/UBND-CNXD ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện công tác bồi thường, GPMB tại các Cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Đức Phổ							

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, Quyết định ghi vốn	Dự kiến kinh phí thực hiện						*Ghi chú*
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã, phường	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
9	Mở rộng Cụm công nghiệp Phổ Phong	6,4	xã Phổ Phong	Tờ BĐ số 49	Công văn số 3471/UBND-CNXD ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các Cụm công nghiệp tại địa bàn các huyện: Sơn Tịnh, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Ba Tơ và thị xã Đức Phổ; Công văn số 6774/UBND-CNXD ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện công tác bồi thường, GPMB tại các Cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Đức Phổ							
10	Cầu Sộp và đường dẫn	0,52	xã Phổ Phong	Tờ BĐ số 31	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	**8.500**			8.500			
11	Nâng cấp tuyến đường từ cầu Hải Tân đến giáp đường ĐT627B	0,20	Phường Phổ Quang	Tờ BĐ số 15	Quyết định số 5910/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện Đức Phổ về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2020	**1.900**			1.900			
12	Khu đô thị Đông Phổ Ninh	56,74	Phường Phổ Ninh	Tờ số 4,5,8,9 phường Phổ Minh. Tờ bản đồ số 5,13 phường Phổ Ninh		**180.000**					180.000	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, Quyết định ghi vốn	Dự kiến kinh phí thực hiện						*Ghi chú*
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã, phường	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
13	Nghĩa trang tập trung của thị xã tại xã Phổ Khánh	41,30	xã Phổ Khánh	Tờ bản đồ số 58, 65		**84.000**					84.000	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
TỔNG		**132,62**				**413.300**			**149.300**		**264.000**	

Biểu 2:

BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

TT	Tên huyện, thành phố, thị xã	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất LUA *(ha)*	Diện tích đất RPH *(ha)*	
1	Huyện Tư Nghĩa	16	49,93	20,9		Biểu 2.1
2	Huyện Minh Long	16	19,02	6,06		Biểu 2.2
3	Huyện Sơn Tịnh	14	27,89	7,76		Biểu 2.3
4	Huyện Bình Sơn	5	16,4	2,64		Biểu 2.4
5	Huyện Trà Bồng	9	56,61	17,66	2,00	Biểu 2.5
6	Huyện Sơn Hà	14	378,59	22,51	4,42	Biểu 2.6
7	Huyện Ba Tơ	12	41,73	1,21	0,23	Biểu 2.7
8	Huyện Nghĩa Hành	5	22,26	4,24		Biểu 2.8
9	Huyện Sơn Tây	6	14,35	1,69	0,04	Biểu 2.9
10	Thành phố Quảng Ngãi	8	17,56	6,35		Biểu 2.10
11	Huyện Mộ Đức	12	71,9	11,09		Biểu 2.11
12	Thị xã Đức Phổ	6	25,38	9,3		Biểu 2.12
Tổng		**123**	**741,62**	**111,41**	**6,69**	

Biểu 2.1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
1	Đường Nghĩa Thuận - Nghĩa Thọ đi Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	1,00	0,18		Xã Nghĩa Thuận	Tờ BĐ số 12;13;16	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
2	Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (cầu Trà Khúc 3)	5,60	2,25		Xã Nghĩa Thuận	Tờ BĐ số 3, 5, 9	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
3	Trường THPT Chu Văn An - Xây dựng khu thể chất và các hạng mục phụ trợ	0,16	0,10		Thị trấn La Hà	Tờ BĐ số 23	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
4	Khu dân cư chỉnh trang đô thị tổ dân phố 2	12,71	9,40		Thị trấn La Hà và xã Nghĩa Trung	Tờ BĐĐC số 15, 16, 20, 21 thị trấn La Hà; tờ BĐĐC số 5, 6 xã Nghĩa Trung.	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
5	Đường Phan Đình Phùng nối dài - Nghĩa Trung (Đoạn từ khu dân cư Phú Sơn đến đường dẫn cao tốc)	5,48	3,26		Xã Nghĩa Trung	Tờ BĐ số 02,05,09	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
6	Trường bắn, thao trường huấn luyện của Ban chỉ huy quân sự huyện Tư Nghĩa	4,48	1,34		Nghĩa Kỳ	Tờ BĐ số 25	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
7	Cửa hàng xăng dầu Tư Nghĩa	0,37	0,04		Xã Nghĩa Thương	Tờ BĐ số 22	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
8	Cửa hàng xăng dầu xã Nghĩa Thương	0,30	0,30		Xã Nghĩa Thương	Tờ BĐ số 16	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
9	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Petro Dung Quất 3	0,50	0,49		Xã Nghĩa Trung	Tờ BĐ số 10	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
10	Cửa hàng xăng dầu Trung Thiên Tâm	0,45	0,37		Xã Nghĩa Kỳ	Tờ BĐ số 22	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
11	Showroom trang trí nội thất và VLXD Trung Thiên Tâm	0,50	0,41		Xã Nghĩa Kỳ	Tờ BĐ số 22	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
12	Đường Nghĩa Lâm - Nghĩa Sơn	2,00	0,05		Xã Nghĩa Lâm, xã Nghĩa Sơn	Tờ BĐ số 11, 12,17,23,24 Nghĩa Lâm; Tờ BĐ số 5,9, Nghĩa Sơn	
13	Trường mầm non Nghĩa Mỹ	0,70	0,70		Xã Nghĩa Mỹ	Tờ BĐ số 6	
14	Khu dân cư dọc bờ kè Bắc Sông Vệ	2,70	0,05		TT Sông Vệ	Tờ bản đồ số 10,11	
15	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Tư Nghĩa	0,30	0,30		Thị trấn La Hà	Tờ bản đồ số 22, 23	
16	Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc Quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ	12,68	1,68		Xã Nghĩa Kỳ	Tờ bản đồ số 27, 32, 33, 34, 35, 36	
Tổng		**49,93**	**20,92**				

Biểu 2.2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
1	Đường Suối Tía -Thôn 3 (giai đoạn 2) phần phát sinh lần 2	0,04	0,04		Long Hiệp	Tờ bản đồ số 10, số 14	
2	Đường Long Môn đi Sơn Cao - Sơn Hà	6,66	0,05		Long Môn	Tờ bản đồ số 15 BĐLN; 4 BĐLN	
3	Đường và kè chống sạt lở từ xóm Mới đến Suối Tía xã Long Hiệp, huyện Minh Long	5,35	1,54		Xã Long Hiệp; Xã Long Mai	Tờ bản đồ số 58, xã Long Mai; Tờ bản đồ số 2, 5, 9 xã Long Hiệp	
4	Kè chống sạt lở bờ tả từ hạ lưu cầu Dư Hữu- nhà ông Long thôn Dư Hữu	0,30	0,07		Long Mai	Tờ bản đồ số 31	
5	Sân bóng đá mi ni cỏ nhân tạo, kết hợp bể bơi	0,32	0,22		Long Hiệp	Tờ bản đồ số10	
6	Nhà văn hóa thể thao thôn Long Thượng	0,07	0,03		Long Mai	Tờ bản đồ số 15	
7	Nâng cấp sửa chữa Trường Mầm non Ánh Dương	0,20	0,20		Long Hiệp	Tờ bản đồ số 9, số 13	
8	Chỉnh trang trung tâm huyện: Hạng mục: Quảng trường, san nền, kè, vỉa hè, cây xanh, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng và công viên cây xanh	2,70	0,72		Long Hiệp	Tờ bản đồ số 05; 10;14	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
9	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Gò Tranh Giữa, xã Long Sơn, huyện Minh Long (Trụ điện)	0,02	0,01		Long Sơn	Tờ bản đồ số 9,4,8,15,16	
10	Xây dựng nhà trực vận hành Tổ quản lý điện tổng hợp Minh Long	0,03	0,03		Long Hiệp	Tờ bản đồ số 10	
11	Xây dựng trụ điện 22kv	0,01	0,01		Long Mai	Tờ bản đồ số 16;52	
12	Khu dân cư Đồng Vông (1,7ha) (GĐ1)	1,7	1,70		Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 05 tỉ lệ 1/1000 xã Long Hiệp	
13	Nâng cấp hệ thống thoát nước Đồng Vông - Đồng Nguyên (GĐ1)	0,36	0,04		Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 13 và 19 xã Long Hiệp	
14	Nhà Văn Hoá và sân thể thao thôn Hà Bôi	0,06	0,60		Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 27 xã Long Hiệp	
15	Sân vận động Long Môn (GĐ1)	0,7	0,30		xã Long Môn	Tờ bản đồ số 05 tỉ lệ 1/5000 và tờ bản đồ số 03 tỉ lệ 1/1000 xã Long Môn	
16	Xây dựng điểm tập trung sinh hoạt cộng đồng, không gian văn hoá Hre tại thôn Thượng Đố, xã Thanh An (GĐ1)	0,5	0,50		Xã Thanh An	Tờ bản đồ số 33 xã Thanh An	
Tổng		**19,02**	**6,06**				

Biểu 2.3

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN SƠN TỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Trong đó		Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
			Diện tích đất LUA *(ha)*	Diện tích đất RPH *(ha)*			
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng đường xã tuyến QL24B - ngõ ông hai Tống	0,33	0,06		Xã Tịnh Sơn	Tờ bản đồ số 18, 26	Công trình, dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
2	Trạm bơm Keo Tây xã Tịnh Minh	0,02	0,02		Xã Tịnh Minh	Tờ bản đồ số 10	
3	Điểm dân cư nông thôn Hóc Lài thôn Minh Mỹ, xã Tịnh Bắc	0,41	0,11		Xã Tịnh Bắc	Tờ bản đồ số 11	
4	Điểm dân cư nông thôn Đồng Trường thôn Minh Mỹ, xã Tịnh Bắc	0,56	0,29		Xã Tịnh Bắc	Tờ bản đồ số 11	
5	Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (cầu Trà Khúc 3)	5,00	1,77		Xã Tịnh Sơn và Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 19 xã Tịnh Hà và tờ 19, 23 xã Tịnh Sơn	
6	Trung tâm y tế huyện Sơn Tịnh	4,06	0,68		xã Tịnh Sơn	Tờ bản đồ số 19	
7	Mở rộng QL1A - Nguyễn Thường	0,03	0,03		xã Tịnh Phong	Tờ bản đồ số 20	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Trong đó		Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
			Diện tích đất LUA *(ha)*	Diện tích đất RPH *(ha)*			
8	Tuyến D2	3,30	1,15		Xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 9, 14, 20	
9	Cầu Thọ Trung, xã Tịnh Thọ	0,50	0,22		Xã Tịnh Thọ	Tờ bản đồ số 56, 57, 58, 59, 60	
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trường Xuân - Quốc lộ 24B - Tịnh Thọ (Bình Hiệp - Tịnh Trà) (ĐH 20)	6,90	0,51		Xã Tịnh Hà, Tịnh Thọ	- Tịnh Hà: Tờ bản đồ số: 06, 07, 11, 16, 17, 32, 35 - Tịnh Thọ: Tờ bản đồ số: 45, 46, 50, 51, 53, 60, 62	
11	Nghĩa trang nhân dân Núi Đất	4,20	0,36		Xã Tịnh Bình	Tờ bản đồ số 13	
12	Khu dân cư số 1, xóm 8 Minh Long, xã Tịnh Minh	1,90	1,90		Xã Tịnh Minh	Tờ bản đồ số 05	
13	Cửa hàng xăng dầu Hoàng Ân Tịnh Sơn	0,37	0,36		Xã Tịnh Sơn	Tờ bản đồ số 16	
14	Cửa hàng xăng dầu Hoàng Ân Tịnh Bắc	0,31	0,30		Xã Tịnh Bắc	Tờ bản đồ số 07	
TỔNG		**27,89**	**7,76**				

Biểu 2.4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch *(ha)*	Trong đó		Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	GHI CHÚ
			Diện tích đất LUA *(ha)*	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ô: Hạng mục khu tái định cư	2,46	1,00		Xã Bình Trung; Thị trấn Châu Ô	Tờ bản đồ địa chính số 8; 18; 10 Xã Bình Trung Tờ bản đồ địa chính số 42; 44 Thị trấn Châu Ô	
2	Cầu Thạch An (Bình Minh - Bình Mỹ)	6,87	0,60		Xã Bình Minh Xã Bình Mỹ	Tờ bản đồ số 53 xã Bình Minh; Tờ bản đồ số 1; 9 xã Bình Mỹ	
3	Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương	6,72	0,69		Xã Bình Minh và xã Bình Khương	Tờ bản đồ số 13, 32, 38, 39 xã Bình Minh; Tờ bản đồ số 45, 46, 52, 53, 55, 56 xã Bình Khương	
4	Nhà máy điện mặt trời xã Bình Nguyên	0,23	0,23		Xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 17; 18; 24; 25	Đăng ký bổ sung diện tích đất lúa
5	Cửa hàng vật tư nông nghiệp HTX dịch vụ nông nghiệp Bình Hiệp	0,12	0,12		xã Bình Hiệp	Tờ bản đồ số 9	
Tổng cộng		**16,40**	**2,64**	**0,00**			

Biểu 2.5

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN TRÀ BỒNG

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên BĐ địa chính (tờ BĐ số, thửa số) hoặc vị trí trên BĐ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Xây dựng các tuyến đường phía Bắc đô thị thị trấn Trà Xuân	10.64	1,00		TT. Trà Xuân; Trà Thuỷ	Tờ BĐ số 6,7,8,9,10,20 và 32 (1/1000)	
2	Xây dựng các khu dân cư trong đô thị thị trấn Trà Xuân - Khu dân cư Ngõ Đồn 1	4.10	2,08		TT. Trà Xuân	Tờ BĐ số 19 và 20	
3	Xây dựng các khu dân cư trong đô thị thị trấn Trà Xuân - Khu dân cư Ngõ Đồn 2	9,26	6,40		TT. Trà Xuân	Tờ BĐ số 19 và 20	
4	Khu dân cư Đồng Tráy và Khu dân cư Đồng Trỗi (bao gồm đất ở và đất cơ sở hạ tầng khu dân cư)	5.10	4,52		TT. Trà Xuân	Tờ BĐ số 16, 17 và 18	
5	Khu dân cư 21, tổ dân phố 3, thị trấn Trà Xuân	2.15	1.10		TT. Trà Xuân	Tờ BĐ số 18, 19 và 31	
6	Khu dân cư xã Trà Bình (thôn Bình Thanh, thôn Bình Đông)	2.57	0,67		Xã Trà Bình	Tờ BĐ số 34 và 35; Tờ BĐ số 41, 42 (1/1000) và Tờ BĐ số 5 (1/5000)	
7	Tuyến đường từ cây Chò đi Trà Nham	15.00	0,50		Trà Tân, Hương Trà	Tờ BĐ số 5,6,7 (1/5000) xã Trà Tân; tờ BĐ số 2,3 (1/5000) xã Hương Trà	Đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
8	Tuyến đường số 2 nội vùng Hồ Nước Trong	7,40	1,00	2,00	Trà Tây	Tờ BĐ số 5,6,7,8 (1/5000) xã Trà Thọ (cũ), nay thuộc xã Trà Tây	
9	Xây dựng nhà công vụ Công an huyện Trà Bồng (Mở rộng trụ sở Công an huyện)	0,39	0,39		TT. Trà Xuân	Tờ BĐ số 16 và 17	
	TỔNG	**56,61**	**17,66**	**2,00**			

Biểu 2.6

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN SƠN HÀ

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
1	Đường ĐH.72 (Sơn Nham – Sơn Kỳ)	3,00	0,50		Sơn Cao Sơn Linh Sơn Nham		
2	Đường Hà Thành – Sơn Giang – Hải Giá (nối tiếp)	4,80	1,80		Sơn Giang Sơn Trung		
3	Đường Huyện đội - Nước Bung	2,51	2,00		TT. Di Lăng	Tờ BĐĐC 665548 TT Di Lăng	
4	Khu dân cư An Thịnh	5,00	4,00		TT. Di Lăng	Tờ BĐĐC 665548 TT Di Lăng	
5	Đường Sơn Thượng - Sơn Tinh	10,11	0,07		Sơn Thượng	Tờ BĐĐC CS 656548;659548;662545;662545-9; số 17;18 xã Sơn Thượng	
6	Khắc phục Cầu Sơn Giang - Sơn Linh (xã Sơn Linh, Sơn Giang, huyện Sơn Hà)	2,50	0,50		Sơn Giang và Sơn Linh	Tờ BĐĐC 662560 xã Sơn Linh	
7	Trụ sở làm việc Đội Quản lý trật tự huyện Sơn Hà	0,1256	0,0914		Di Lăng	Trích đo địa chính	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
8	Thủy điện Trà Khúc 1	299,31	6,9000		Sơn Giang, Sơn Trung, Sơn Thượng, TT Di Lăng	Trích đo địa chính	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sơn Hà tại Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
9	Thủy điện ĐăkBa; Hạng mục: Đấu nối nhà máy thủy điện ĐăkBa vào lưới điện quốc gia đường dây 110Kv	0,76	0,1500		Sơn Bao, Sơn Thượng, TT Di Lăng	Tờ BĐĐC cơ sở số: Sơn Thượng: 662545-2; TT Di Lăng: 665548-4, 665548-2; Sơn Bao: 662542-3, 662545-1, 665545-8, 665545-6	
10	Thủy điện Sơn Nham	24,64	0,7300	4,42	Sơn Linh, Sơn Nham		Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Sơn Hà tại QĐ 149 ngày 13/3/2020
11	Đường ĐH 77 (Di Lăng - Sơn Bao)	2,83	0,3000		Sơn Bao, TT Di Lăng		Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sơn Hà tại QĐ 1391 ngày 31/12/2021

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
12	Đường tránh tây thị trấn Di Lăng	4,70	0,7200		TT. Di Lăng		Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sơn Hà tại QĐ 1391 ngày 31/12/2021
13	Cụm công nghiệp Sơn Hạ, huyện Sơn Hà; hạng mục xây dựng hạ tầng kỹ thuật vị trí CN-05-06 thuộc đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm Công nghiệp Sơn Hạ, huyện Sơn Hà	5,00	1,0000		Sơn Hạ		Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sơn Hà tại QĐ 1391 ngày 31/12/2021
14	Cụm công nghiệp Sơn Hạ, huyện Sơn Hà (phần mở rộng)	13,30	3,75		Sơn Hạ		
Tổng		**378,59**	**22,51**	**4,42**			

Biểu 2.7

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TRONG NĂM 2022 HUYỆN BA TƠ

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Trong đó		Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA *(ha)*	Diện tích đất RPH *(ha)*			
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	Đường Ba Bích - Ba Lế - Ba Nam	15,43	0,13		xã Ba Bích, xã Ba Lế	Tờ 12 BĐLN xã Ba Bích; Tờ 8,12,15,19,23,24,27, 29 BĐĐC và tờ 3,4,8,9 BĐLN xã Ba Lế	
2	Nâng cấp BTXM tuyến ĐT 624 - Làng Tương	1,00	0,03		xã Ba Điền	Tờ 18,22,23,24,26,31,35 BĐĐC và tờ 7 BĐLN	
3	Nhà văn hóa thôn Làng Rêu	0,02	0,01		xã Ba Điền	Tờ 9 BĐĐC xã Ba Điền	
4	Đường dây 110kV - Thủy điện Đăk Re	1,46	0,13		xã Ba Xa, xã Ba Vì, xã Ba Tô, xã Ba Dinh, xã Ba Cung, xã Ba Thành, xã Ba Động, xã Ba Liên, thị trấn Ba Tơ		
5	Đập Đèo Nai	0,32	0,22		xã Ba Vinh	Tờ 12, 13, 14, 20, 21, 28 BĐĐC và tờ 4 BĐLN	
6	Nhà làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Ba Cung	0,15	0,15		xã Ba Cung	Tờ 15 BĐĐC xã Ba Cung	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Trong đó		Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA *(ha)*	Diện tích đất RPH *(ha)*			
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
7	Nhà Quản lý vận hành Đội truyền tải điện (dự án Đường dây 500kV Dốc Sỏi - Pleiku 2)	0,25	0,23		thị trấn Ba Tơ	Tờ 12 BĐĐC thị trấn Ba Tơ	
8	Đường dây 500KV Dốc Sỏi - Pleiku 2	2,93	0,05	0,23	xã Ba Ngạc, xã Ba Tiêu, xã Ba Vì	Tờ 21,28,35,43 BĐĐC và tờ 3,5,9 BĐLN xã Ba Ngạc; Tờ 33,38,51 BĐĐC và tờ 3,7,10 BĐLN xã Ba Tiêu; Tờ 3,7,13,14,17,18,19 BĐĐC xã Ba Vì	
9	Trường THCS Ba Vì; hạng mục: Nhà Đa Năng	0,67	0,01		xã Ba Vì	Tờ 28 BĐĐC xã Ba Vì	
10	Đập và kênh Nước Ôn	0,20	0,1		xã Ba Bích	Tờ 50 BĐĐC xã Ba Bích	
11	Khu dân cư chỉnh trang phía Đông đường Trần Toại thị trấn Ba Tơ	0,79	0,01		thị trấn Ba Tơ	Tờ 7, 12 BĐĐC thị trấn Ba Tơ	Dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục chuyển mục đích đất lúa với diện tích 4,57ha; nay xin đăng ký bổ sung 0,14ha để có cơ sở hoàn thiện thủ tục đất đai theo quy định
12	Thủy điện Đăkre 2	18,51	0,14		xã Ba Xa	Tờ 31, 32, 44, 45, 47, 48 BĐĐC xã Ba Xa	Dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục chuyển mục đích đất lúa với diện tích 4,57ha; nay xin đăng ký bổ sung 0,14ha để có cơ sở hoàn thiện thủ tục đất đai theo quy định
Tổng cộng		**41,73**	**1,21**	**0,23**			

Biểu 2.8

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Trong đó		Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA *(ha)*	Diện tích đất RPH *(ha)*			
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	Nâng cấp đường huyện ĐH.56C (Hành Minh - Hành Đức)	3,32	0,03		xã Hành Đức, Hành Minh	Tờ bản đồ: 8, 10, 11, 12, 31, 32, 33 (Hành Đức); Tờ bản đồ: 14, 15 (Hành Minh)	Đã được thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh
2	Cầu Hành Dũng – Hành Nhân	1,32	0,86		xã Hành Dũng, Hành Nhân	Tờ bản đồ: 23, 24 (Hành Dũng); Tờ bản đồ: 3, 4, 11, 26 (Hành Nhân)	Đã được thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hoá Phú Bình Đông	0,14	0,14		TT Chợ Chùa	Tờ bản đồ: 8	Đã được thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh
4	Nhà văn hoá xã Hành Thuận	0,18	0,17		xã Hành Thuận	Tờ bản đồ: 11	Đã được thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh
5	Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc Quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ	17,30	3,04		Xã Hành Dũng, xã Hành Thuận	Tờ bản đồ số 2, 3, 6 xã Hành Dũng; tờ bản đồ số 8, 9 xã Hành Dũng	
TỔNG		**22,26**	**4,24**				

Biểu 2.9

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 CỦA HUYỆN SƠN TÂY

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Trong đó		Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA *(ha)*	Diện tích đất RPH *(ha)*			
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	Đường Trường Sơn Đông, Gói thầu C4 (Cầu Nước Bua-Km144+904,28)	2,00	0,05		xã Sơn Bua	Tờ 5 BĐLN xã Sơn Bua	Quyết định số 1699/QĐ-TM ngày 26/7/2021 của Bộ tổng tham mưu về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình gói thầu C4 (Cầu Nước Bua-Km144+904,28) Dự án đầu tư xây dựng đường Trường Sơn Đông và Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 31/12/2021của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệ KHSD đất năm 2022
2	Đường điện 0,4KV xóm ông Lập KDC số 4	0,05	0,01		xã Sơn Bua	Tờ bản đồ địa chính khu đất số 1 được đo vẽ bổ sung và biên tập từ tờ BĐĐC số 05 và 06 xã Sơn Bua (Dự án 245/QĐ-UBND ngày 28/02/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Công trình nằm trong Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018
3	Kè chống sạt lở Trung tâm huyện	4,00	1,00		xã Sơn Mùa	Tờ 10 BĐLN xã Sơn Mùa	Công trình nằm trong Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Trong đó		Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA *(ha)*	Diện tích đất RPH *(ha)*			
4	Đường Măng Lăng – Nước Đốp (đoạn nối tiếp)	0,30	0,03	0,04	xã Sơn Long	Tờ 12,13 BĐLN xã Sơn Dung	Công trình nằm trong Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
5	Cầu Sơn Mùa và đường vào 2 đầu cầu	3,00	0,30		xã Sơn Mùa và xã Sơn Dung	Tờ bản đồ số 01, BĐLN xã Sơn Dung và tờ bản đồ số 10, BĐLN xã Sơn Mùa	Công trình nằm trong Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tập trung tại xã Sơn Long, huyện Sơn Tây	5,00	0,30		Xã Sơn Long	tờ BĐĐC số 13, xã Sơn Long tỷ lệ 1/5000 và tờ BĐĐC số 7 xã Sơn Long	Công trình nằm trong Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021
Tổng cộng		**14,35**	**1,69**	**0,04**			

Biểu 2.10

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch *(ha)*	Trong đó		Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA *(ha)*	Diện tích đất RPH *(ha)*			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Trung tâm Hội nghị và triển lãm tỉnh	5,63	2,62		phường Nghĩa Chánh	Tờ bản đồ số 01	
2	Cầu Kháng Chiến	0,54	0,42		xã Tịnh Thiện	Tờ bản đồ số 10	
3	Đường nối dân sinh và đường dẫn cầu xã Tịnh Khê (thuộc dự án Cầu Cửa Đại)	2,50	0,42		xã Tịnh Khê, xã Nghĩa Phú	Tờ bản đồ số 1,2,3,4,6,7,9 xã Nghĩa Phú, Tờ bản đồ số 18, 19, 21, 22, 46 xã Tịnh Khê	
4	Trung tâm kinh doanh và trưng bày sản phẩm nước giải khát, bánh kẹo Quỳnh Ninh	0,44	0,43		phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 13, 35	Đã được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
5	Trung tâm dịch vụ đăng kiểm ô tô Đất Quảng	0,68	0,68		phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 13	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch *(ha)*	Trong đó		Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA *(ha)*	Diện tích đất RPH *(ha)*			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6	Cửa hàng kinh doanh thiết bị và trang trí nội thất xe ô tô kết hợp dịch vụ cảnh quan	1,00	0,9		xã Tịnh Ấn Đông	Tờ bản đồ số 14	Đã được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
7	Trung tâm dịch vụ Đào tạo và Sát hạch lái xe Đất Quảng	4,98	0,83		xã Tịnh Ấn Tây	Tờ bản đồ số 6, 7, 10	
8	Khu dịch vụ nông nghiệp sinh thái tổng hợp Kim Dung Nam	1,79	0,05		xã Tịnh Thiện	Tờ bản đồ số 21	
Tổng cộng		**17,56**	**6,35**				

Biểu 2.11

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 CỦA HUYỆN MỘ ĐỨC

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất lúa (ha)	Diện tích đất rừng phòng hộ (ha)			
1	Cụm công nghiệp An Sơn Đức Lân	50,41	1,78		Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 25, 26, 38, 39 của xã Đức Lân	Đã phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022
2	Trụ sở làm việc Công an xã Đức Hiệp	0,19	0,10		Xã Đức Hiệp	Tờ bản đồ số 12 của xã Đức Hiệp	Đã phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022
3	Mở rộng Cơ sở Đạo Cao Đài, xã Đức Thắng	0,14	0,08		Đức Thắng	Tờ bản đồ 14 của xã Đức Thắng	Đã phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022
4	Dự án: Khu dân cư Mẫu Nầy, thôn Phước Hòa, xã Đức Phú; giai đoạn 1: Khu dân cư dọc đường vào trang trại Vinamilk, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	3,23	3,23		Xã Đức Phú	Tờ bản đồ số 17, 18, 25 của xã Đức Phú	
5	Khu dân cư Vĩnh Thành, xã Đức Minh, huyện Mộ Đức	1,97	1,97		Xã Đức Minh	Tờ bản đồ số 20 của xã Đức Minh	
6	Khu dân cư Vườn Quán, xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức	1,31	1,31		Xã Đức Thạnh	Tờ bản đồ số 6,7 của xã Đức Thạnh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất lúa (ha)	Diện tích đất rừng phòng hộ (ha)			
7	Tuyến đường Bầu Súng - Biển Đạm Thủy Bắc (ĐH.34B)	4,38	0,58		Xã Đức Chánh, Đức Thạnh và Đức Minh	Tờ bản đồ Số 19, 20, 26 xã Đức Chánh, Tờ bản đồ số 3 xã Đức Thạnh, Tờ Bản đồ số 6, 7, 15, 19 xã Đức Minh	
8	Tuyến Đường QL1A (ngõ ông Rân) - Tân Phong	2,70	0,06		Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 6, 14, 15, 16	
9	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Lỗ Thùng, xã Đức Phú và xã Đức Hòa	5,62	0,03		Xã Đức Phú	Tờ bản đồ số 25 xã Đức Phú	
10	Khu Showroom trưng bày nội thất kết hợp nhà hàng tiệc cưới	1,00	1,00		Thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ 2 của thị trấn Mộ Đức	Đã phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022
11	Cửa hàng xăng dầu Hoàng Ân Đức Hòa	0,70	0,70		xã Đức Hòa	Tờ bản đồ số 16 của xã Đức Lân	
12	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Mộ Đức	0,25	0,25		Thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 09	
	Tổng cộng:	**71,90**	**11,09**				

Biểu 2.12

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Trong đó		Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA *(ha)*	Diện tích đất RPH *(ha)*			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khu dân cư Hùng Nghĩa	0.81	0.81		xã Phổ Phong	Tờ BĐ số 31	
2	Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn	2,75	0,84		Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ BĐ số 5, 6	
3	Đường Huỳnh Thúc Kháng	1,54	1,31		Phường Phổ Minh, Phường Phổ Hoà	Tờ BĐ ĐC 6 phường Phổ Hoà; Tờ BĐ ĐC 16 phường Phổ Minh	
4	Đường Huỳnh Công Thiệu nối dài và khu tái định cư	10,57	7,00		Phường Phổ Minh, Phường Phổ Ninh	Tờ BĐ ĐC 4; 5 phường Phổ Ninh; Tờ BĐ ĐC 4; 5; 9 phường Phổ Minh	
5	Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt thị xã Đức Phổ	10,00	0,05		xã Phổ Nhơn	Tờ bản đồ số 8,9,16	
6	Cầu Cây Sộp và đường dẫn	0,52	0,10		xã Phổ Phong	Tờ BĐ số 31	
	Tổng cộng	**25,38**	**9,30**				

Biểu 3:

BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

TT	Tên huyện, thành phố, thị xã	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
1	Huyện Tư Nghĩa	3	25,22	Biểu 3.1
2	Huyện Sơn Tịnh	1	1,00	Biểu 3.2
3	Huyện Bình Sơn	3	151,7	Biểu 3.3
4	Huyện Trà Bồng	2	101,1	Biểu 3.4
5	Huyện Ba Tơ	4	151,32	Biểu 3.5
6	Thành phố Quảng Ngãi	3	47,62	Biểu 3.6
7	Huyện Sơn Hà	1	7,04	Biểu 3.7
Tổng		**17**	**485**	

Biểu 3.1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Trong đó		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
				Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I. Công trình thuộc vốn ngân sách nhà nước									
1	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa	8,02	Xã Nghĩa Hoà, Nghĩa Thương, Nghĩa Hiệp huyện Tư Nghĩa,	3,45	4,57		8,02	Hiện nay, dự án đang triển khai công tác xác nhận nguồn gốc đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019
2	Khu dân cư phía Đông đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ (giai đoạn 1).	3,3	Thị trấn Sông Vệ	3,076	0,224	0	3,30	Do đơn giá bồi thường đất nông nghiệp tại thị trấn Sông Vệ là 105 triệu/sào, thấp so với 120 triệu/sào các dự án lân cận trước đây. Từ đó một số người dân không nhận tiền bồi thường. Hơn nữa, số hộ có đất nhận tiền không liên thửa nên không thể giao đất được	Kế hoạch sử dụng đất năm 2017
II. Công trình ngoài ngân sách									
3	Khu sinh thái, nghỉ dưỡng tắm bùn Suối nước nóng Nghĩa Thuận	13,9	Xã Nghĩa Thuận				13,90	Tiếp tục thực hiện đối với phần diện tích đất lúa 9,61 ha để hoàn thiện thủ tục đất đai trong năm 2022 (Diện tích đất lúa được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2017
Tổng		**25,22**		**6,526**	**4,794**	**0**	**25,22**		

Biểu 3.2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN SƠN TỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Trong đó		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
				Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I. Công trình thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước									
1	Khu thể thao xã Tịnh Phong	1	xã Tịnh Phong	0,94	0,06		1,00	Dự án có trong kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm. Hiện, dự án đã thu hồi, bồi thường 9452,1m2, hiện nay còn vướng bồi thường 1 hộ dân diện tích 2383,8m2. Xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022 để hoàn thành tục giải phóng mặt thửa đất còn lại và lập thủ tục chuyển mục đích, giao đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019
Tổng		**1,00**		**0,94**	**0,06**		**1,00**		

Biểu 3.3

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên Công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch *(ha)*	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	GHI CHÚ
				Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I. Công trình thuộc vốn ngân sách nhà nước											
1	Dự án Nhà truyền thống và Thư viện huyện Bình Sơn	Thị trấn Châu Ổ	0,52			0,47	0,05		0,52	Đang tiếp tục triển khai thực hiện công tác bồi thường, GPMB và giao đất	KHSDĐ năm 2019
2	Kè chống sạt lở kết hợp đường cứu hộ, cứu nạn di dân tái định cư, neo đậu tàu thuyền - đập Cà Ninh hạ lưu sông Trà Bồng phục vụ Khu Kinh tế Dung Quất, huyện Bình Sơn (giai đoạn 1)	xã Bình Đông	85,00						85,00	Đang thực hiện GPMB và tiếp tục thực hiện thu hồi đất. Đồng thời, bổ sung hồ sơ trình Thủ tướng chính phủ chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019
3	Tuyến đường Trì Bình - Cảng Dung Quất	xã Bình Chánh, xã Bình Thạnh, xã Bình Đông, xã Bình Thuận	66,18						66,18	Đang thực hiện GPMB. Đồng thời, bổ sung hồ sơ trình Thủ tướng chính phủ chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019
Tổng cộng			**151,70**	**0,00**		**0,47**	**0,05**		**151,70**		

Biểu 3.4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN TRÀ BỒNG

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Diện tích QH *(ha)*	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
				Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
I. Công trình thuộc vốn ngân sách nhà nước											
1	Cầu Suối Nang 3	Thị trấn Trà Xuân	1,60			0,53	1,07		1,60	Vướng mắc chưa có quỹ đất để bố trí tái định cư dự kiến cho 03 hộ bị ảnh hưởng dự án; đồng thời chưa thực hiện công tác chuyển mục đích và giao đất.	*Kế hoạch sử dụng đất năm 2018*
II. Công trình ngoài ngân sách											
2	Thủy điện Trà Phong (Bao gồm các hạng mục: Lòng hồ Nhà quản lý vận hành; đường thi công- vận hành, cụm đầu mối; Nhà máy và đường dây đấu nối vào TBA 220 kW Sơn Hà)	xã Sơn Trà, xã Trà Phong, Trà Xinh và xã Trà Tây	99,50	0,20	8,20	13,55	85,95	-	99,50	Đã phê duyệt PABT đợt 1 theo Quyết định số 6451/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện Trà Bồng; đã nộp tiền trồng rừng thay thế theo Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Diện tích còn lại đang kiểm kê, lập PABT đợt 2	*Kế hoạch sử dụng đất năm 2019*
TỔNG CỘNG			**101,10**	**0,20**	**8,20**	**14,08**	**87,02**	**0,00**	**101,10**		

Biểu 3.5

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN BA TƠ

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm (đến cấp xã)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện năm 2022	Ghi chú
				Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
I/ Công trình thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước											
II/ Công trình ngoài ngân sách											
1	Thủy điện Đăk Re 2	18,51	xã Ba Xa	4,57	0,21	17,15	1,36	5,05	13,46	Do vướng mắc trong quá trình kiểm kê, lập phương án đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; Đăng ký vào KHSDĐ 2022 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất.	KHSDĐ 2019
2	Thủy điện Ba Vì	73,44	xã Ba Tiêu, xã Ba Ngạc	0,7		19,32	54,12	0	73,44	Do vướng mắc trong quá trình kiểm kê, lập phương án đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; Đăng ký vào KHSDĐ 2022 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất	KHSDĐ 2019
3	Đường dây đấu nối 220KV Thủy điện Nước Long	8,50	xã Ba Tiêu	0,45		0,65	7,85	0	8,50	Do vướng mắc trong quá trình kiểm kê, lập phương án đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; Đăng ký vào KHSDĐ 2022 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất	KHSDĐ 2019

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm (đến cấp xã)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện năm 2022	Ghi chú
				Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
4	Thủy điện Sông Liên 2	50,87	xã Ba Bích và Ba Lế	4,7					50,87	Do vướng mắc trong quá trình kiểm kê, lập phương án bồi thường và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; Đăng ký vào KHSDĐ 2022 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất. Hiện nay, dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 22/3/2022 và chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 27/12/2021.	KHSDĐ 2019 (Theo Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh)
Tổng cộng		**151,32**	**0,00**	**5,85**	**0,21**	**37,12**	**63,33**	**5,05**	**146,27**		

Biểu 3.6

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Trong đó		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
				Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I. Công trình thuộc vốn ngân sách nhà nước									
1	Xây dựng Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi	0,77	phường Trần Phú				0,77	Đang hoàn thiện các thủ tục về đất đai	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019
2	Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc	38,6	xã Nghĩa Dũng, xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi	37,2	1,40	37,2	1,40	Phần diện tích đất ở thuộc thôn An Phú, xã Tịnh An do chưa có Khu tái định cư nên chưa lập và trình duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân; xin tiếp tục gia hạn thực hiện trong năm 2022 để thu hồi, bồi thường, GPMB cho các hộ dân	
3	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1	8,25	các xã: Nghĩa Phú, Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi		8,25		8,25	Xin tiếp tục thực hiện để thực hiện công tác bồi thường; GPMB cho dự án; dự án mới khởi công trong tháng 12/2021	
Tổng		**47,62**		**37,2**	**9,65**	**37,2**	**10,42**		

Biểu 3.7

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN SƠN HÀ

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH *(ha)*	Địa điểm *(đến cấp xã)*	Trong đó		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
				Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I. Công trình ngoài ngân sách									
1	Thủy điện ĐăkBa; Hạng mục: Đấu nối nhà máy thủy điện ĐăkBa vào lưới điện quốc gia đường dây 110Kv	7,04	Sơn Bao, Sơn Thượng, TT Di Lăng					Để hoàn thiện các thủ tục về đất đai	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019
Tổng		**7,04**		**0**	**0**	**0**	**0**		